

Số: 29/TTr-UBND

Quảng Ngãi, ngày 01 tháng 4 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị quyết danh mục bổ sung công trình, dự án phải thu hồi đất và danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp trong năm 2019 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

I. Tình hình triển khai lập danh mục công trình, dự án năm 2019

1. Sự cần thiết

Theo quy định tại điểm c, Khoản 10 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định “*Trường hợp có bổ sung dự án, công trình mà phải thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật đất đai thì trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp danh mục dự án, công trình cần thu hồi đất bổ sung để báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua*”.

Như vậy, việc HĐND tỉnh thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ năm 2019 trên địa bàn tỉnh để làm cơ sở thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh là cần thiết.

2. Căn cứ pháp lý triển khai thực hiện

- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

3. Quy trình triển khai thực hiện

- UBND tỉnh căn cứ các quy định của Trung ương, ban hành văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện lập danh mục bổ sung mục công trình, dự án thu hồi đất và danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng

phòng hộ sang đất phi nông nghiệp trong năm 2019 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn, đôn đốc các địa phương lập hồ sơ bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2019;

- UBND huyện, thành phố triển khai đăng ký bổ sung nhu cầu sử dụng đất năm 2019 trên địa bàn huyện;

- Tổng hợp kết quả bổ sung các công trình, dự án cấp tỉnh từ kết quả các công trình, dự án của UBND cấp huyện đăng ký nhu cầu sử dụng đất trong năm 2019.

4. Nguyên tắc xác định danh mục công trình, dự án

- Xác định các danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất (*quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai*): Được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch đối với các dự án thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước; có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các dự án còn lại theo hướng dẫn tại điểm b khoản 6 Điều 67 Thông tư số 29/2014/TT-BNTMT ngày 02/6/2014; đồng thời xác định danh mục, công trình, dự án theo nguyên tắc chỉ đạo của Hội đồng nhân dân tỉnh tại Công văn số 518/HĐND-KTNS ngày 03/12/2014.

- Danh mục công trình, dự án có sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ: Đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng dưới 10 héc ta đất trồng lúa; dưới 20 héc ta đất rừng phòng hộ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai.

II. Kết quả thực hiện lập bổ sung các danh mục công trình, dự án năm 2019

1. Công trình, dự án phải thu hồi đất (*khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai*)

Tổng số: 102 công trình, dự án, diện tích 637,03 ha. Chi tiết cụ thể theo biểu số liệu sau:

Stt	Đơn vị hành chính	Số lượng công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Ghi chú
1	Thành phố Quảng Ngãi	17	155,21	
2	Huyện Bình Sơn	13	34,68	
3	Huyện Sơn Tịnh	2	0,23	
4	Huyện Tư Nghĩa	12	44,49	
5	Huyện Mộ Đức	20	184,14	
6	Huyện Đức Phổ	6	5,18	
7	Huyện Nghĩa Hành	4	8,69	
8	Huyện Huyện Ba Tơ	3	2,35	
9	Huyện Minh Long	8	4,32	

10	Huyện Sơn Hà	0	0,00	
11	Huyện Sơn Tây	0	0,00	
12	Huyện Tây Trà	9	133,77	
13	Huyện Trà Bồng	4	58,78	
14	Huyện Lý Sơn	4	5,19	
	Tổng	102	637,03	

(chi tiết có Biểu 1 kèm theo)

2. Công trình, dự án chuyên mục đích sử dụng đất có sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ (điểm b, khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai)

Tổng số: 78 công trình, dự án, diện tích 607,18 ha (trong đó: đất lúa 128,88 ha; đất rừng phòng hộ 10,0 ha). Chi tiết cụ thể theo biểu số liệu sau:

Stt	Đơn vị hành chính	Số lượng công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó		Ghi chú
				Diện tích đất lúa (ha)	Diện tích đất rừng phòng hộ (ha)	
1	Thành phố Quảng Ngãi	15	49,95	19,58	0,16	
2	Huyện Bình Sơn	22	179,02	33,42	1,00	
3	Huyện Sơn Tịnh	1	0,20	0,20		
4	Huyện Tư Nghĩa	10	39,25	22,65		
5	Huyện Mộ Đức	15	141,02	40,09		
6	Huyện Đức Phổ	2	1,06	0,06		
7	Huyện Nghĩa Hành	3	8,28	7,11		
8	Huyện Ba Tơ	2	4,58	1,36	0,20	
9	Huyện Minh Long	5	1,01	0,39		
10	Huyện Sơn Hà	0	0,00	0,00		
11	Huyện Sơn Tây	0	0,00	0,00		
12	Huyện Tây Trà	1	125,92	3,50	8,64	
13	Huyện Trà Bồng	2	56,89	0,52		
	Tổng	78	607,18	128,88	10,00	

(chi tiết có Biểu 2 kèm theo)

3. Dự kiến các khoản chi cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

Tổng kinh phí dự kiến cụ thể được các khoản kinh phí chi cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 1.228.874 triệu đồng.

4. Đối với công trình, dự án có trong kế hoạch sử dụng đất 3 năm liên tiếp mà chưa hoàn thành công tác thu hồi đất hoặc chưa chuyển mục đích sử dụng đất.

Theo quy định tại Điều 49 Luật Đất đai mà các công trình, dự án đã có trong kế hoạch sử dụng đất 03 năm liên tiếp (2016, 2017, 2018) mà chưa hoàn thành công tác thu hồi đất hoặc chưa chuyển mục đích sử dụng đất thì UBND tỉnh phải điều chỉnh, hủy bỏ và công bố việc điều chỉnh, hủy bỏ việc thu hồi đất hoặc chuyển mục đích sử dụng đất đối với phần diện tích đất ghi trong kế hoạch sử dụng đất.

Qua kiểm tra, rà soát kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất của UBND cấp huyện đối với các công trình dự án có trong kế hoạch sử dụng đất 03 năm liên tiếp nhưng đến nay vẫn chưa hoàn thành: Đối với dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất chủ yếu các công trình có diện tích quy mô lớn, công trình dạng hình tuyến (*khó khăn trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, thậm chí Dự án phải tổ chức cưỡng chế,...*), thực tế hiện nay trên địa bàn tỉnh có 03 công trình, dự án thu hồi đất năm 2015, 2016 thuộc huyện Tư Nghĩa (*Chi tiết có danh mục kèm theo*).

Để tháo gỡ các công trình, dự án nêu trên hoàn thành công tác thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất phục vụ cho việc phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn tỉnh. UBND tỉnh xin ý kiến HĐND tỉnh thống nhất các công trình, dự án này được tiếp tục thực hiện thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

5. Sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án phải thu hồi đất và các danh mục công trình, dự án có sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, UBND tỉnh thực hiện:

(1). Bổ sung các công trình, dự án trong năm Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 cấp huyện.

(2). Chỉ đạo UBND các huyện, thành phố phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường để lập các thủ tục hoán đổi đất lúa, đất rừng phòng hộ chuyển sang đất phi nông nghiệp để thực hiện công trình, dự án đối với phần diện tích nằm trong Quyết định số 1201/QĐ-UBND ngày 08/8/2012 và Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh.

(3). Chỉ đạo UBND các huyện, thành phố trong năm thực hiện kế hoạch mà có phát sinh công trình, dự án thu hồi đất và công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp trong năm 2019 thì tổng hợp trình UBND tỉnh (*thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường*) để trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét thống nhất bổ sung theo quy định.

(4). Chỉ đạo UBND các huyện, thành phố phối hợp với các chủ đầu tư

dự án tiếp tục triển khai thực hiện các công trình, dự án của năm 2017, 2018, 2019 theo quy định Khoản 9 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế Ngân sách HĐND tỉnh
- Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp;
- VPUB: CVP, PCVP(NL), TH, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TNak178.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tăng Bình

Biểu 1



**BẢNG TỔNG HỢP
CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2019
CỦA CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ**

Biểu số 29/TTr-UBND ngày 01/4/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Stt	Tên huyện, thành phố	Số lượng công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (triệu đồng)	Ghi chú
1	Thành phố Quảng Ngãi	17	155,21	131.877	Biểu số 1.1
2	Huyện Bình Sơn	13	34,68	139.565	Biểu số 1.2
3	Huyện Sơn Tịnh	2	0,23	230	Biểu số 1.3
4	Huyện Tư Nghĩa	12	44,49	55.920	Biểu số 1.4
5	Huyện Mộ Đức	20	184,14	659.958	Biểu số 1.5
6	Huyện Đức Phổ	6	5,18	45.994	Biểu số 1.6
7	Huyện Nghĩa Hành	4	8,69	8.100	Biểu số 1.7
8	Huyện Huyện Ba Tơ	3	2,35	2.550	Biểu số 1.8
9	Huyện Minh Long	8	4,32	101.340	Biểu số 1.9
10	Huyện Sơn Hà	0	0,00	0,00	Biểu số 1.10
11	Huyện Sơn Tây	0	0,00	0,00	Biểu số 1.11
12	Huyện Tây Trà	9	133,77	65.120	Biểu số 1.12
13	Huyện Trà Bồng	4	58,78	12.550	Biểu số 1.13
14	Huyện Lý Sơn	4	5,19	5670	Biểu số 1.14
	Tổng	102	637,03	1.228.874	

Biểu 1.1



QUANG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2019 CỦA THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
 (theo Tờ trình số 29/TTr-UBND ngày 01/4/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	TÊN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN	DIỆN TÍCH QH	ĐỊA ĐIỂM (cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	CÔNG VẤN, CHỦ TRƯỞNG	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó					
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
1	Chỉnh trang Khu dân cư tổ 6, tổ 8 phường Nghĩa Lộ và ngầm hóa hệ thống thoát nước kết hợp đường giao thông Triệu Quang Phục	2,25	P Nghĩa Lộ	Tờ bản đồ số 43, 44, 50	QĐ số 925/QĐ-UBND ngày 01/11/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Quyết định chủ trương đầu tư Dự án Chỉnh trang Khu dân cư tổ 6, tổ 8 phường Nghĩa Lộ và ngầm hóa hệ thống thoát nước kết hợp đường giao thông Triệu Quang Phục	5.000						5.000
2	Khu dân cư Nhân Hòa kết hợp chỉnh trang đô thị, phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi	5,27	phường Trương Quang Trọng	Tờ bản đồ số 12, 31, 34	QĐ số 874/QĐ-UBND ngày 16/10/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Quyết định chủ trương đầu tư Dự án Khu dân cư Nhân Hòa kết hợp chỉnh trang đô thị, phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi	7.000						7.000

STT	TÊN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN	DIỆN TÍCH QH	ĐỊA ĐIỂM (cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	CÔNG VĂN, CHỦ TRƯỞNG	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ)
3	Dự án Ngầm hóa tuyến kênh thoát nước Sông Đào kết hợp chỉnh trang đô thị - Xây dựng khu dân cư lôm phía Đông đường Đoàn Khắc Cung, phường Lê Hong Phong, thành phố Quảng Ngãi	1,28	phường Lê Hồng Phong	Tờ bản đồ số	QĐ số 1147/QĐ-UBND ngày 11/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Quyết định chủ trương đầu tư Dự án Ngầm hóa tuyến kênh thoát nước Sông Đào kết hợp chỉnh trang đô thị - Xây dựng khu dân cư lôm phía Đông đường Đoàn Khắc Cung, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quảng Ngãi	2.000					2.000
4	Khu dân cư Châu Sa, xã Tịnh Châu, thành phố Quảng Ngãi	9,59	xã Tịnh Châu	Tờ bản đồ số 13,22,24	QĐ số 978/QĐ-UBND ngày 20/11/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Quyết định chủ trương đầu tư Dự án Khu dân cư Châu Sa, xã Tịnh Châu, thành phố Quảng Ngãi	10.000					10.000
5	Khu dân cư Bắc thành phố Quảng Ngãi	9,87	phường Trương Quang Trọng	Tờ bản đồ số 5, 6	QĐ số: 979/QĐ-UBND ngày 21/11/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Quyết định chủ trương đầu tư Khu dân cư Bắc thành phố Quảng Ngãi	10.000					10.000
6	KDC phía Bắc đường Võ Nguyên Giáp	4,82	Xã Tịnh Ấn Tây	Tờ bản đồ số 8, 9, 11, 20	Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 07/01/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Quyết định chủ trương dự án KDC phía Bắc đường Võ Nguyên Giáp, thành phố Quảng Ngãi	5.000					5.000

STT	TÊN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN	DIỆN TÍCH QH	ĐỊA ĐIỂM (cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	CÔNG VĂN, CHỦ TRƯỞNG	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
7	KDC An Nhơn Viên	4,99	Xã Tịnh An	Tờ bản đồ số 6, 15, 18, 19	Quyết định số 75/QĐ-UBND ngày 25/01/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Chủ trương đầu tư dự án KDC An Nhơn Viên, xã Tịnh An, thành phố Quảng Ngãi	5.000					5.000
8	Cụm công nghiệp hậu cần ngành cá Sa Kỳ và Khu đô thị, Thương mại - Dịch vụ Tịnh Kỳ, thành phố Quảng Ngãi	26,17	Xã Tịnh Kỳ	Tờ bản đồ số 01	Công văn số 3352/UBND-CNXD ngày 12/6/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án: Trung tâm dịch vụ hậu cần ngành cá Sa Kỳ, thành phố Quảng Ngãi	7.000					7.000
9	Khu du lịch văn hóa Thiên Ấn	1,8	Phường Trương Quang Trọng, xã Tịnh An, xã Tịnh Ấn Đông	Tờ BĐ số 14, phường Trương Quang Trọng; tờ BĐ số 4, 5 xã Tịnh An; Tờ BĐ số 17, xã Tịnh Ấn Đông	Quyết định số 1996a/QĐ-UBND ngày 27/10/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt dự án Khu du lịch văn hóa Thiên Ấn	2.000		2.000			
10	Khu nhà ở sinh thái Rừng Đừa	9,44	Xã Tịnh Khê	Tờ bản đồ số 13, xã Tịnh Khê	Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 30/01/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc chủ trương đầu tư dự án Khu nhà ở sinh thái Rừng Đừa	10.000					10.000
11	Đường ven biển Dng Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn I/a	0,58	Xã Tịnh Hòa		Quyết định số 1170/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh về việc giao vốn đầu tư công năm 2019	1.000		1.000			
12	Công viên nghĩa trang Tịnh Ấn Viên	38,05	Xã Tịnh Ấn Đông		QĐ chủ trương đầu tư số 855/QĐ- UBND ngày 08/10/2018	25.000					25.000
13	Dự án Công viên giải trí, thể thao trung tâm, kết hợp chính trang đô thị KDC Tây Nguyễn Chí Thanh	18,92	Phường Quảng Phú	Tờ số 17,18,21,22,38,39	QĐ chủ trương đầu tư số 57/QĐ- UBND ngày 22/01/2019	18.000					18.000

STT	TÊN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN	DIỆN TÍCH QH	ĐỊA ĐIỂM (cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	CÔNG VĂN, CHỦ TRƯỞNG	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
14	Khu đô thị Phú Mỹ	0,36	Phường Nghĩa Chánh và xã Nghĩa Đông	Tờ số 4 xã Nghĩa Đông, tờ số 4 phường Nghĩa Chánh	Điều chỉnh quy hoạch 1/500 Khu đô thị mới Phú Mỹ	3.000					3.000
15	Dự án Sửa chữa, nâng cấp hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Nghĩa Phú	0,02	xã Nghĩa Phú	tờ số 6	QĐ số 1717/QĐ-UBND ngày 14/6/2017 của Sở Xây dựng về việc phê duyệt Báo cáo KTKT	77	77				
16	Khu dân cư Bàu Cả kết hợp chỉnh trang đô thị	1,8	Phường Lê Hồng Phong, Trần Hưng Đạo	Tờ bản đồ số 10, 11, 16, 21, 22 phường Lê Hồng Phong và tờ bản đồ số 8, 9 phường Trần Hưng Đạo	Công văn số 800/UBND-CNXD ngày 24/02/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt phương án Dự án Khu dân cư Bàu Cả kết hợp chỉnh trang đô thị, thành phố Quảng Ngãi	1.800					1.800
17	Khu nhà ở nông thôn kết hợp thương mại dịch vụ xã Nghĩa An	20,0	Xã Nghĩa An	Tờ bản đồ số 4, 6, 8, 9, 19, 21, 22, 23, 24	Quyết định số 830/QĐ-UBND ngày 16/5/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc cấp Quyết định chủ trương đầu tư công trình Khu nhà ở nông thôn kết hợp thương mại dịch vụ	20.000					20.000
Tổng cộng		155,21				131.877	77	3.000	-	-	128.800

Biểu 1.2



PHỤ LỤC MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2019 CỦA HUYỆN BÌNH SƠN

theo Tờ trình số 29/TTr-UBND ngày 01/4/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú		
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó						
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
1	Dự án Kè chống sạt lở bờ Bắc sông Trà Bồng, đoạn qua thôn Tân Phước xã Bình Minh	1,00	xã Bình Minh	Tờ ĐĐ 38;39;56	Quyết định số 1217/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách huyện Bình Sơn để thực hiện công trình Kè chống sạt lở bờ Bắc sông Trà Bồng, đoạn qua thôn Tân Phước xã Bình Minh	9.000		9.000					

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú		
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó						
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
2	Dự án Đường tránh lũ Bình Minh - Bình Khương	6,50	xã Bình Minh và xã Bình Khương	Tờ BĐ số 13,32,33,38,39 xã Bình Minh; Tờ BĐ số 45,46,52,53,55,56 xã Bình Khương	Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 28/01/2019 của UBND huyện Bình Sơn phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2019 nguồn vốn ngân sách trung ương	20.000	20.000						

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú		
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó						
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
3	Dự án Khu Chính trị - Hành chính thị trấn Châu Ô	0,58	Thị trấn Châu Ô	Tờ BĐ 12	Quyết định số 3059/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của UBND huyện Bình Sơn	7.794			7.794				

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú		
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó						
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
4	Khu dân cư Nam Bình	3,9	xã Bình Nguyên	Tờ bản đồ số 14 và 21	Căn cứ Quyết định số 690/QĐ- UBND ngày 14/8/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Chủ trương đầu tư dự án Khu dân cư Nam Bình, xã Bình Nguyên, huyện Bình Sơn;	29						29	

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó						
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
5	Mở rộng Cụm công nghiệp Bình Nguyên (giai đoạn 3)	1,95	xã Bình Nguyên, xã Bình Trung	Tờ bản đồ số 7, 8 xã Bình Trung; tờ số 37 xã Bình Nguyên	Công văn số 3104/UBND ngày 25/12/2018 của UBND huyện về việc thống nhất chủ trương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng mở rộng Cụm Công nghiệp Bình Nguyên (giai đoạn 3)	2,9			2,9				
6	Đập ngăn mặn Bình Nguyên và Bình Phước	0,8	xã Bình Phước		Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 08/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc chủ trương đầu tư dự án:	100.000,0		100.000					
7	Đập ngăn mặn Bình Nguyên và Bình Phước	2,87	xã Bình Dương		Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 08/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc chủ trương đầu tư dự án:								

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó					
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
8	Hồ chứa nước Phước Hòa	1,2	xã Bình Khương	Tờ bản đồ số 47 và 51	Quyết định số 1201/QĐ-UBND ngày 08/8/2012 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	9,0	7,0	2,0				
9	Hồ chứa nước Hồ Lùng	1,8	xã Bình Thanh Đông	Tờ bản đồ số 14	Quyết định số 1201/QĐ-UBND ngày 08/8/2012 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	11,0	5,0	6,0				
10	Hồ chứa nước Ao Gió	1,8	xã Bình Hòa	Tờ bản đồ số 117 và 118	Quyết định số 1201/QĐ-UBND ngày 08/8/2012 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	11,0	6,0	5,0				

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó					
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
11	Đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, đoạn qua xã Bình Chánh, phần bổ sung thiết kế cắm cọc giải phóng tại nhánh C1 của nút giao thông Dung Quất gói thầu A3	0,6	xã Bình Chánh	Tờ bản đồ số 30 và 31	Quyết định 23/QĐ-BQL.ĐNQN ngày 13/11/2018 của Ban Quản lý dự án Cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi							
12	Đường ven biển Dung Quất-Sa Huỳnh	8,98	xã Bình Phú, Bình Châu, Bình Hòa		Quyết định số 523/QĐ-UBND ngày 14/3/2007 của Chủ tịch tỉnh về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình Đường ven biển Dung Quất-Sa Huỳnh	8,0	8,0					

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú		
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó						
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
13	KDC chín trang đô thị An Điền Phát	2,70	Thị trấn Châu Ô	tờ số 20,21,27,28	Quyết định chủ trương đầu tư số 786/QĐ-UBND ngày 10/9/2018	2.700,0						2.700	
	Tổng cộng	34,68				139.565	20.026	109.013	7.797	-	2.729	-	



CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2019 CỦA HUYỆN SƠN TỊNH

theo Tờ trình số 29/TTr-UBND ngày 01/4/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó					
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9) +(10)+ (11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
1	Mở rộng Trường mầm non Tịnh Thọ	0,030	xã Tịnh Thọ	TBĐ số 21	Công văn số 16/UBND ngày 07/02/2018 của Chủ tịch UBND xã Tịnh Thọ về việc thống nhất cho chủ trương xây dựng điểm trường mầm non xã Tịnh Thọ	30					30	
2	Sân thể thao, Thọ Lộc Tây, xã Tịnh Hà	0,200	xã Tịnh Hà	TBĐ số 23	Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 27/12/2018 của Hội đồng nhân dân xã Tịnh Hà khóa XII, kỳ họp lần thứ VII, nhiệm kỳ 2016-2021	200					200	
TỔNG CỘNG		0,23				230					230	

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT TRONG NĂM KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2019 HUYỆN TƯ NGHĨA



(Theo Tờ trình số 29/TTr-UBND ngày 01/4/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Trong đó			
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
1	Hồ Chứa nước Hồ Tạc	2,10	Nghĩa Thuận	Tờ 18	Quyết định số 1845/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2018, nguồn dự phòng ngân sách trung ương 2018	2.520,0	2.520,0				
2	Đường La Hà - Thu Xà đi KDC kết hợp dịch vụ phía Đông UBND huyện	0,20	La Hà	tờ 18	QĐ số 8573/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019	5.000,0		5.000,0			
3	Cầu phủ thuộc tuyến đường cụm công nghiệp La Hà, huyện Tư Nghĩa đi huyện Nghĩa Hành	1,00	Nghĩa Trung, La Hà	Tờ 6, Nghĩa Trung và Tờ 21, La Hà	QĐ số 1170/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019	800,0		800,0			
4	Kè chống sạt lở khu dân cư thị trấn Sông Vệ, huyện Tư Nghĩa	3,50	Sông Vệ, Nghĩa Mỹ	Tờ 7, Nghĩa Mỹ và Tờ 14, 18, 21, Sông Vệ	QĐ số 1221/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách huyện Tư Nghĩa để triển khai thực hiện công trình Kè chống sạt lở KDC thị trấn Sông Vệ, huyện Tư Nghĩa	2.000,0		2.000,0			

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						
						Tổng (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		
5	Nhà lưu niệm Nhà thơ Bích Khê	0,36	Nghĩa Hòa	Tờ 9, 10	Công văn số 3148/UBND-VX ngày 29/6/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi V/v chủ trương xây dựng Khu lưu niệm nhà thơ Bích Khê							
6	Khu dân cư nông thôn mới An Hòa, huyện Tư Nghĩa	7,12	Nghĩa Trung	tờ 1, 4	QĐ số 27/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án Khu dân cư nông thôn mới An Hòa, huyện Tư Nghĩa	10.000,0						#####
7	Khu dân cư nông thôn mới Gia An - xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa	9,24	Nghĩa Kỳ	Tờ 18	QĐ số 91/QĐ-UBND ngày 30/01/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án Khu dân cư nông thôn mới Gia An - xã Nghĩa Kỳ	11.000,0						#####
8	Khu dịch vụ đô thị Thiên Phúc	8,00	La Hà	Tờ 23, 26	QĐ số 999/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án Khu dịch vụ đô thị Thiên Phúc	9.000,0						9.000,00
9	Khu dân cư chính trang đô thị An Điền Phát, La Hà	4,82	La Hà	Tờ 16, 17, 21, 22	QĐ số 642/QĐ-UBND ngày 30/7/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án Khu dân cư chính trang đô thị An Điền Phát, La Hà	5.500,0						5.500,00
10	Khu dân cư Nam Bàu Giang	5,10	thị trấn La Hà và xã Nghĩa Trung	tờ số 10 thị trấn La Hà và tờ số 3 xã Nghĩa Trung	Quyết định chủ trương đầu tư số 118/QĐ-UBND ngày 20/02/2019	5.000,0						5.000,00

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Trong đó			
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
11	Khu tái định cư Thôn 1, xã Nghĩa Lâm (phục vụ công tác GPMB dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT 623B (QN-Thạch Nham), giai đoạn 2	1,68	xã Nghĩa Lâm	tờ số 11	QĐ số 1263/QĐ-UBND ngày 20/3/2019 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc phê duyệt quy hoạch 1/500	2.400,0	2.400,0				
12	Khu dân cư xã Nghĩa Thắng (gđ1) (phục vụ công tác GPMB dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT 623B (QN-Thạch Nham), giai đoạn 2	1,37	xã Nghĩa Thắng	tờ số 11,18	QĐ số 1264/QĐ-UBND ngày 20/3/2019 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc phê duyệt quy hoạch 1/500	2.700,0					2.700,00
Tổng		44,49				55.920	4.920	2.800	5.000	-	43.200

Biểu 1.5



CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2018 CỦA HUYỆN MỘ ĐỨC
 (xem theo Tờ trình số 29/TTr-UBND ngày 01/4/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó					
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
1	Khu dịch vụ và dân cư An Phú	0,89	thị trấn Mộ Đức	tờ bản đồ số 5,6,9,10	Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 605/QĐ-UBND, ngày 11/7/2018 của UBND tỉnh	105.000						105.000
2	Kè bờ Nam sông Vệ, xã Đức Nhuận	1,05	xã Đức Nhuận	tờ bản đồ số 5,6	Quyết định bố trí vốn số 607/QĐ-UBND, ngày 12/7/2018 của UBND tỉnh	8.500		8.500				
3	Khu dân cư Ngõ ông Sáu ca giáp đường tránh đông QL 1 (đầu giá đất)	0,97	xã Đức Chánh	Tờ bản đồ số 24	Quyết định số 4726/QĐ-UBND, ngày 26/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện Mộ Đức	2.150			2.150			
4	Khu dân cư và dịch vụ Chợ Quán Lát	9,94	xã Đức Chánh	Tờ bản đồ số 11	Quyết định chủ trương đầu tư số 01/QĐ-UBND, ngày 02/01/2019 của UBND tỉnh	116.000						116.000
5	Khu TMDV Bắc cửa hàng xăng dầu Quán Lát (đầu giá đất)	2,10	xã Đức Chánh	Tờ bản đồ số 11	Quyết định số 4599/QĐ-UBND, ngày 22/10/2018 của UBND huyện Mộ Đức	14.990			14.990			
6	Kè, khu neo đậu tàu thuyền, khu dân cư xã Đức Lợi (UBND huyện chủ đầu tư)	5,45	xã Đức Lợi	Tờ bản đồ 4, 5, 6, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14	Quyết định số 4805/QĐ-UBND, ngày 31/10/2018 của UBND huyện Mộ Đức	51.700		15.000	36.700			
7	Khu sản xuất nông nghiệp sạch (UBND huyện làm chủ đầu tư để đầu giá)	20,3	xã Đức Minh	Tờ bản đồ số 9, 10, 12, 13	Quyết định số 4597/QĐ-UBND, ngày 22/10/2018 của UBND huyện Mộ Đức	5.000			5.000			

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
8	Tuyến đường vào khu rau sạch công nghệ cao (UBND huyện làm chủ đầu tư)	1,23	xã Đức Minh	Tờ bản đồ 19, 20, 21	Quyết định số 4786/QĐ-UBND, ngày 31/10/2018 của UBND huyện Mộ Đức	5.000		5.000			
9	Nhà văn hóa xã Đức Thạnh	0,72	xã Đức Thạnh	Tờ bản đồ số 7	Công văn số 1083/UBND-KT, ngày 27/10/2016 của UBND huyện về việc thỏa thuận nguồn vốn đầu tư xây dựng công trình Nhà văn hóa xã Đức Thạnh	0					
10	Khu tái định cư Hiệp Sơn (Tái định cư đường Quán Lát - Đá Chát)	1,30	xã Đức Hiệp	Tờ bản đồ số 10, 17	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư số 2008/QĐ-UBND, ngày 31/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	6.000		6.000			
11	Khu dân cư và thương mại - dịch vụ Bắc Trung tâm thị trấn Mộ Đức	9,90	xã Đức Tân	Tờ bản đồ 6	Quyết định chủ trương đầu tư số 26/QĐ-UBND, ngày 11/01/2019 của UBND tỉnh	155.309					155.309
12	Khu sản xuất chế biến thức ăn và chăn nuôi bò sữa tập trung ứng dụng công nghệ cao Vinamilk Quảng Ngãi	91,94	Xã Đức Phú	Tờ bản đồ 18, 24, 25	Quyết định chủ trương đầu tư số 21/QĐ-UBND, ngày 11/01/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	0					
13	Đường vào vùng lõi Khu sản xuất chế biến thức ăn và chăn nuôi bò sữa tập trung ứng dụng công nghệ cao Vinamilk Quảng Ngãi (UBND huyện làm chủ đầu tư)	1,01	xã Đức Phú	Tờ bản đồ 18,25	Quyết định số 3956/QĐ-UBND, ngày 24/9/2018 của UBND huyện	20.000		19.000	1.000		
14	Xây dựng đường dây điện 22kv; 04kV và Trạm biến áp để phục vụ sản xuất ở xã Đức Phong	0,03	xã Đức Phong		Quyết định số 4688/QĐ-UBND, ngày 25/10/2018 và Quyết định số 1514/QĐ-UBND, ngày 28/12/2018 của UBND huyện	5.986		5.986			

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
15	Dự án chỉnh trang đô thị kết hợp xây dựng Khu dân cư phía Bắc Quốc lộ 24	9,37	xã Đức Lân	Tờ bản đồ số 42, 44, 45	Quyết định chủ trương đầu tư số 126/QĐ-UBND, ngày 20/02/2019 của UBND tỉnh	75.000					75.000
16	Hạ tầng cụm công nghiệp-TTCN Thị trấn Mộ Đức.	20,0	thị trấn Mộ Đức	tờ bản đồ 19	Quyết định số 15/QĐ-UBND, ngày 08/01/2018 của UBND tỉnh về thành lập CCN tây thị trấn Mộ Đức	16.300			16.300		
17	Đường QL1A - đường đông thị trấn Mộ Đức (Nút 5)	1,28	thị trấn Mộ Đức	Tờ bản đồ 6	Quyết định số 2833/QĐ-UBND, ngày 05/7/2018 của UBND huyện Mộ Đức	8.000			8.000		
18	Mở rộng tuyến đường nội thị và KDC Nam cầu Vĩnh Phú (đấu giá đất)	1,50	thị trấn Mộ Đức	Tờ bản đồ 9, 10	Quyết định số 3818/QĐ-UBND, ngày 06/9/2018 của UBND huyện Mộ Đức	8.200			8.200		
19	Tuyến đường QL 1A - Đá Bạc (UBND huyện chủ đầu tư)	5,15	xã Đức Nhuận, Đức Thắng	Tờ bản đồ 17, 18 xã Đức Thắng; TBĐ số 12, 14, 16, 18, 20 xã Đức Nhuận	Quyết định Chủ trương đầu tư số 1838/QĐ-UBND, ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh	50.000		50.000			
20	Nâng cao độ tin cậy lưới điện khu vực Điện lực Mộ Đức, Đức Phổ, Sơn Tịnh, Trà Bồng tỉnh Quảng Ngãi năm 2019	0,01	xã Đức Nhuận, xã Đức Phú	tờ bản đồ số 9, 12, 14, 20, xã Đức Nhuận; TBD số 4, 10, xã Đức Phú	Quyết định số 4810/QĐ-QNPC, ngày 14/9/2018 của Công ty Điện lực Quảng Ngãi về việc phê duyệt BCKTKT_ĐTXD Công trình Nâng cao độ tin cậy lưới điện khu vực điện lực Mộ Đức, Đức Phổ, Sơn Tịnh, Trà Bồng	6.823					6.823
Tổng cộng		184,138				659.958	0	109.486	92.340	0	458.132

Biểu 1.6

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2019 CỦA HUYỆN ĐỨC PHỔ



(Kèm theo Tờ trình số 29/TTr-UBND ngày 01/4/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ)	
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
1	Hệ thống cấp nước sạch phục vụ khu dân cư Sa Huỳnh	1,70	Xã Phổ Thạnh	TBĐ 4, 27	Quyết định số 2141/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi, Quyết định chủ trương đầu tư Dự án hệ thống cấp nước sạch phục vụ khu dân cư Sa Huỳnh	29.000						29.000
2	Tuyến đê biển thôn Thạnh Đức, xã Phổ Thạnh	1,21	xã Phổ Thạnh	TBĐ số 19, 27, 39	Quyết định số 1573/QĐ-UBND ngày 17/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi, Quyết định về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng Dự án: Xây dựng tuyến đê biển thôn Thạnh Đức, xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	5.000		5.000				

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Von khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
3	Trường Mầm non Phố Châu hạng mục: Nhà lớp học 4 phòng 2 tầng, hệ thống PCCC ngoài nhà và san nền	0,36	xã Phố Châu	TBĐ số 25	Quyết định số 4203/QĐ-UBND ngày 23/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện Đức Phổ, Quyết định về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án công trình: Trường Mầm non Phố Châu: Hạng mục: Nhà lớp học 4 phòng 2 tầng, hệ thống PCCC ngoài nhà và san nền	5.266			5.266		
4	Khu dân cư vùng lôm xã Phố Hoà	0,24	xã Phố Hoà	TBĐ số 14, 02, 05, 13	Thông báo số 397/TB-UBND ngày 23/11/2018 của UBND huyện Đức Phổ về việc thông nhất chủ trương lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 các khu dân cư vùng lôm xã Phố Hoà	1.000			1.000		

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
5	Sửa chữa nâng cấp đường Phố Minh - Phố Văn	0,82	xã Phố Văn	TĐĐ số 6, 9	Quyết định số 3742a/QĐ-UBND ngày 08/9/2017 của Chủ tịch UBND huyện Đức Phổ, Quyết định về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình: Sửa chữa, nâng cấp đường Phố Minh – Phố Văn (ĐH.43)	5.228			5.228		
6	Nâng cấp tuyến Quốc lộ 1 đi bãi rác	0,85	xã Phố Thạnh	Tờ số 34	QĐ số 3777/QĐ-UBND ngày 26/9/2018 của UBND huyện Đức Phổ về việc bổ sung kinh phí cho các địa phương, đơn vị trả nợ khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành và thực hiện một số nhiệm vụ	500					
Tổng		5,18				45.994	-	5.000	11.494	-	29.000

Biểu 1.7

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2019 CỦA HUYỆN NGHĨA HÀNH



theo Tờ trình số 29/TTr-UBND ngày 01/4/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
1	Nâng cấp tuyến đường ĐT.624B (Quán Lát - Đá Chát), đoạn Km0+00 - Km8+00:	3,20	Hành Thịnh	Tờ bản đồ: 3, 27, 32, 33	Quyết định số 679/QĐ-UBND ngày 14/4/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp tuyến đường ĐT.624B (Quán Lát - Đá Chát), đoạn Km0+00 - Km8+00;	3.000		3.000				
2	Khu dân cư Nam Đồng Xít (giai đoạn 2)	4,98	Thị trấn Chợ Chùa và Hành Đức	Tờ bản đồ: 3 xã Hành Đức; 25 thị trấn Chợ Chùa	- Quyết định số 328/QĐ-UBND ngày 12/10/2017 của UBND huyện Nghĩa Hành về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Khu dân cư Nam Đồng Xít (giai đoạn 2); - Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Khu dân cư Nam Đồng Xít (giai đoạn 2);	5.000				5.000		
3	Nâng cấp đường huyện ĐH.58 và ĐH.58E	0,10	Thị trấn Chợ Chùa	Tờ bản đồ: 25	Quyết định số 396/QĐ-UBND ngày 26/10/2017 của của UBND huyện Nghĩa Hành về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án: Nâng cấp đường huyện ĐH.58 và ĐH.58E;	100			100			

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
4	Chùa Hưng Long	0,41	xã Hành Phước	Tờ số 17	Công văn thống nhất chủ trương số 7801/UBND-NNTN ngày 24/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi						
Tổng cộng		8,69				8.100	-	3.000	100	5.000	-

Biểu 1.8



CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2019 CỦA HUYỆN BA TƠ

(Theo Tờ trình số 29/TTr-UBND ngày 01/4/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						
						Tổng (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
1	San lấp ao cá tại vị trí ngã ba đường Nguyễn Chánh-Đường 3 tháng 2	0,05	TTr Ba Tơ	Tờ 12 thửa 198 BĐDC	Quyết định 1822/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND huyện về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách huyện năm 2019	200			200			
2	Nâng cấp, cải tạo khu vực di tích Nhà Kiểm lý	0,07	TTr Ba Tơ	Tờ 12 thửa 41 BĐDC	Quyết định 1822/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND huyện về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách huyện năm 2019	350			350			
3	Khu dân cư kết hợp chỉnh trang đô thị phía Tây sông Tài Năng	2,23	thị trấn Ba Tơ	Tờ 07 BĐDC	QĐ chủ trương đầu tư số 854/QĐ-UBND ngày 08/10/2018 của UBND tỉnh	2.000						2.000
Tổng cộng		2,35				2.550	-	-	550	-	2.000	

Biểu 1.9



HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2019 CỦA HUYỆN MINH LONG
 (Kèm theo Tờ trình số 29/TTr-UBND ngày 01/4/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
1	Làm mới đập Gò Rấp, Đồng Rinh, xã Thanh An	0,02	Xã Thanh An	Tờ bản đồ 7	Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện	1,000			1,000			
2	Trường Mẫu giáo xã Long Hiệp	0,01	Xã Long Hiệp	Tờ bản đồ số 13	Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện	1,550			1,550			

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
3	Xây dựng công chào huyện Minh Long	0,015	Xã Long Mai	Tờ bản đồ số 33	Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện	1,990			1,990		
4	Đường từ đò Ba Cùm đi Hà Bôi	0,75	Xã Long Hiệp	Tờ bản đồ số 19,26,27	Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện	6,700			6,700		
5	Trường Mẫu giáo Thanh An	0,12	Xã Thanh An	Tờ bản đồ số 26	Quyết định số 222/QĐ-UBND ngày 18/02/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh	3,100		3,100			
6	Đường Làng Ren đi Nước Cua	1,20	Xã Long Môn	Tờ bản đồ số 21,22,23	Quyết định số 725/QĐ-UBND ngày 23/7/2018 của Chủ tịch UBND huyện Minh Long và Công văn số 7940/UBND-TH ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh	17,000		9,000	8,000		

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
7	Tuyến Công Loan đi cầu Tịnh Đố, xã Thanh An huyện Minh Long	0,70	Xã Thanh An	Tờ bản đồ số 27,31	Nghị quyết số 53/2018/NQ-HĐND ngày 26/12/2018 của HĐND huyện Minh Long	10,000					10,000
8	Đường Bờ tả Sông Phước Giang huyện Minh Long	1,50	Xã Long Hiệp, Long Mai	Tờ bản đồ địa chính số 5, xã Long Hiệp; tờ số 57, xã Long Mai	Quyết định số 725/QĐ-UBND ngày 23/7/2018 của Chủ tịch UBND huyện Minh Long	60,000					60,000
Tổng cộng		4,32				101,340	-	12,100	19,240	-	70,000

Biểu 1.12



DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2019 CỦA HUYỆN TÂY TRÀ
(Theo Tờ trình số 29/TTr-UBND ngày 01/4/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ST T	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
1	Khắc phục các điểm sạt lở Trên tuyến đường Trà Phong - Trà Thanh	0,3	Xã Trà Phong - Trà Thanh	(537565.93; 1689761.60) (537499.71; 1689510.42)	Quyết định số 1170/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019							
2	Đường liên xã Trà Nham - Trà Thọ - Trà Lãnh	1,2	Xã Trà Nham - Trà Lãnh	(548921.12; 1679584.27) (547700.60; 1678551.06)	Quyết định số 222/QĐ-UBND ngày 18/02/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 (Đợt 1) thuộc chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi	10.000		10.000				

ST T	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (từ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
3	Trường Tiểu học Trà Thanh	0,6	Xã Trà Thanh	(537515.12; 1688998.06)	Quyết định số 222/QĐ-UBND ngày 18/02/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 (Đợt 1) thuộc chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi	5000		5.000			
4	Nâng cấp mở rộng tuyến đường ngã 3 Trà Xinh đi Thôn Trà Ôi	2,26	Xã Trà Xinh	(537162.87; 1672561.32) (537920.65; 1673375.99)	Quyết định số 1170/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019	15.000		15.000			
5	Khắc phục sạt lở Khu TĐC thôn Trà Ích	0,16	Xã Trà Lãnh	(544919.76; 1678056.87) (544912.91; 1677958.15)	Quyết định số 2044/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND huyện Tây Trà về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2019	3000			3.000		

ST T	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
6	Sửa chữa tuyến đường Trà Quân – Trà Bao – Trà Khê	0,3	Xã Trà Khê và Xã Trà Quân	(537658.030; 1681269.740) (537579.730; 1681268.420) (537581.690; 1681297.960) (537651.120; 1681299.960)	Quyết định số 372/QĐ-UBND ngày 11/5/2018 của UBND huyện Tây Trà về việc bổ sung kinh phí khắc phục các công trình bị hư hỏng, thiệt hại do bão số 12 và mưa lũ gây ra	70			70		
7	Khắc phục tuyến đường Trà Phong – Trà Xinh, huyện Tây Trà	2,9	xã Trà Phong	(536627.000; 1676548.000) (536604.000; 1676631.000) (536310.000; 1676604.000) (536368.000; 1676695.000)	Quyết định số 772/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của UBND huyện Tây Trà về việc phân bổ nguồn thu ngân sách cấp tỉnh vượt dự toán HĐND tỉnh giao năm 2017	50			50		
8	Thủy điện Trà Phong	125,92	Xã Trà Xinh; Xã Trà Phong và Xã Trà Khê		QĐ chủ trương đầu tư số 19/QĐ- UBND ngày 09/01/2019 của UBND tỉnh	30.000					30.000
9	Sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường trung tâm huyện lỵ Tây Trà	0,1	Xã Trà Phong	(538278.060; 1677425.152) (538513.926; 1677781.839)	Quyết định số 2044/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND huyện Tây Trà về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2019	2.000			2.000		

ST T	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (từ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
Tổng cộng		133,773				65120	-	30.000	5.120	-	30.000

Biểu 1.13



MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2019 HUYỆN TRÀ BỒNG
 theo Tờ trình số 29/TTr-UBND ngày 01/4/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách cấp xã	
1	Thủy điện Kà Tinh	55,79	Trà Lâm, Trà Sơn và Trà Thủy	số 689545, 686545, 686548, 689548 (xã Trà Lâm); số 689548 (xã Trà Sơn) và số 689548, 689551 (xã Trà Thủy)	Quyết định số 440/QĐ-UBND ngày 25/5/2018 của UBND tỉnh về việc Quyết định chủ trương đầu tư dự án thủy điện Kà Tinh; Công văn số 5804/UBND ngày 09/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thống nhất vị trí bổ sung quy hoạch sử dụng đất để xây dựng các công trình trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi và huyện Trà Bồng	10500					10500

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
2	Sửa chữa và nâng cao an toàn hồ chứa nước An Phong thuộc Tiểu dự án “Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Quảng Ngãi	1,83	Trà Bình	Thuộc tờ bản đồ số 01 được trích đo năm 2018, chỉnh lý từ tờ bản đồ địa chính số 10, xã Trà Bình, huyện Trà Bồng	Quyết định số 2058/QĐ-UBND ngày 19/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng Tiểu dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Quảng Ngãi (giai đoạn 1) thuộc Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8); Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 10/01/2018 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2018 nguồn vốn ngân sách Trung ương; Quyết định số 270/QĐ-UBND ngày 26/3/2018 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch vốn năm 2018 để thực hiện dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8); Quyết định số 920/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018	850		850			

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách cấp xã	
3	Kè chống sạt lở Suối Bồi thuộc dự án Kè chống sạt lở hai bên bờ sông thị trấn Trà Xuân (giai đoạn II)	1,10	Trà Xuân	Tờ bản đồ số 06, 07 và 17	Quyết định số 1437/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của UBND huyện Trà Bồng về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2018 hỗ trợ các công trình cấp bách từ nguồn thu ngân sách cấp tỉnh giao năm 2017; Quyết định số 1520/QĐ-UBND ngày 30/7/2018 của UBND huyện Trà Bồng về việc đầu tư cấp bách công trình: Kè chống sạt lở hai bên bờ sông thuộc dự án Kè chống sạt lở hai bên bờ sông thị trấn Trà Xuân (giai đoạn II)	1200		1200			
4	Trường Mầm Non thôn Nước Nĩa	0,06	Trà Bùì	Tờ bản đồ số 60	Quyết định số 2791/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình Trường Mầm Non thôn Nước Nĩa, xã Trà Bùì	0					
TỔNG		58,78				12550	0	2050	0	0	10500

Biểu 1.14

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2019 CỦA HUYỆN LÝ SƠN
 Tờ trình số 29/TTr-UBND ngày 01/4/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

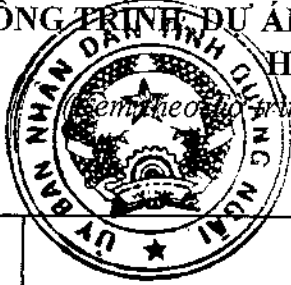


Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó					
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
01	Quảng trường Trung tâm huyện Lý Sơn	1,57	Xã An Vĩnh	Tờ bản đồ số 27	QĐ số 2109/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND huyện Lý Sơn về việc giao chỉ tiêu vốn năm 2019	2.500			2500			
02	Hệ thống trữ nước sinh hoạt, kết hợp tưới tiết kiệm cho nông nghiệp đảo Lý Sơn	3	Xã An Vĩnh	Tờ bản đồ số 11, 16	QĐ số 1170/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao chỉ tiêu vốn đầu tư công năm 2020	3.000			3.000			

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
03	Vườn hoa kiến thiết đô thị Lý Sơn	0,58	Xã An Vĩnh	Tờ bản đồ số 26, 27	QĐ số 2109/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND huyện Lý Sơn về việc giao chi tiêu vốn năm 2019	100			100		
04	Tường rào bảo vệ tuyến cáp ngầm vượt biển phía trạm cắt 22 kV Lý Sơn	0,04	Xã An Vĩnh	Tờ bản đồ số 21	Quyết định số 6683/QĐ-QNPC ngày 07/12/2018	70					70
	Tổng cộng	5,19				5.670	-	-	5.600	-	70

Biểu 2

**BẢNG TỔNG HỢP
CÔNG TRÌNH DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG
HỘ NĂM 2019 CỦA CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ**



theo dự án công trình số 29/TTr-UBND ngày 01/4/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi

STT	Tên huyện, thành phố	Số lượng công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó		Ghi chú
				Diện tích đất Lúa (ha)	Diện tích đất RPH (ha)	
1	Thành phố Quảng Ngãi	15	49,95	19,58	0,16	Biểu số 2.1
2	Huyện Bình Sơn	22	179,02	33,42	1,00	Biểu số 2.2
3	Huyện Sơn Tịnh	1	0,20	0,20		Biểu số 2.3
4	Huyện Tư Nghĩa	10	39,25	22,65		Biểu số 2.4
5	Huyện Mộ Đức	15	141,02	40,09		Biểu số 2.5
6	Huyện Đức Phổ	2	1,06	0,06		Biểu số 2.6
7	Huyện Nghĩa Hành	3	8,28	7,11		Biểu số 2.7
8	Huyện Ba Tơ	2	4,58	1,36	0,20	Biểu số 2.8
9	Huyện Minh Long	5	1,01	0,39		Biểu số 2.9
10	Huyện Sơn Hà	0	0,00	0,00		Biểu số 2.10
11	Huyện Sơn Tây	0	0,00	0,00		Biểu số 2.11
12	Huyện Tây Trà	1	125,92	3,50	8,64	Biểu số 2.12
13	Huyện Trà Bồng	2	56,89	0,52		Biểu số 2.13
	Tổng	78	607,18	128,88	10,00	

Biểu 2.1

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2019 CỦA THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI



theo Tờ trình số 29/TTr-UBND ngày 01/4/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
			Diện tích đất LƯA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Khu dân cư Nhân Hòa kết hợp chỉnh trang đô thị, phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi	5,27	1,41		P Trương Quang Trọng	Tờ bản đồ số 12, 31, 34
2	Chỉnh trang Khu dân cư tổ 6, tổ 8 phường Nghĩa Lộ và ngầm hóa hệ thống thoát nước kết hợp đường giao thông Triệu Quang Phục	2,25	0,07		P Nghĩa Lộ	Tờ bản đồ số 43, 44, 50
3	KDC An Nhơn Viên	4,99	1,14		Xã Tịnh An	Tờ bản đồ số 6, 15, 18, 19
4	KDC Châu Sa	9,59	0,53		Xã Tịnh Châu	Tờ bản đồ số 13, 22, 24
5	Khu dân cư Bắc thành phố Quảng Ngãi	9,87	8,9		P Trương Quang Trọng	Tờ bản đồ số 5, 6
6	KDC phía Bắc đường Võ Nguyên Giáp	4,82	1,5		Xã Tịnh Ấn Tây	Tờ bản đồ số 8, 9, 11, 20

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
			Diện tích đất LUA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
7	Trung tâm vật liệu xây dựng - Khu trưng bày ô tô, xe máy và xưởng bảo hành, bảo trì, sửa chữa - cho thuê kho bãi	1,54	0,79		P Trương Quang Trọng	Tờ bản đồ số 9, 10, 13, 14
8	Khu du lịch văn hóa Thiên Ân	1,8	0,14	0,16	Phường Trương Quang Trọng, xã Tịnh An, xã Tịnh Ấn Đông	Tờ BĐ số 14, phường Trương Quang Trọng; tờ BĐ số 4, 5 xã Tịnh An; Tờ BĐ số 17, xã Tịnh Ấn Đông
9	Khu nhà ở sinh thái Rừng Dừa	9,440	5,00		Xã Tịnh Khê	Tờ bản đồ số 13, xã Tịnh Khê
10	Khu đô thị Phú Mỹ	0,36	0,08		Phường Nghĩa Chánh và xã Nghĩa Đông	Tờ số 4 xã Nghĩa Đông, tờ số 4 phường Nghĩa Chánh
15	Dự án Sửa chữa, nâng cấp hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Nghĩa Phú	0,02	0,02		xã Nghĩa Phú	tờ số 6
	Tổng cộng	49,95	19,58	0,16		

Biểu 2.2



DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP THỰC HIỆN TRONG NĂM 2019 CỦA HUYỆN BÌNH SƠN

(Theo Tờ trình số 29/TTr-UBND ngày 01/4/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	GHI CHÚ
			Diện tích đất Lúa (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Dự án Trạm bơm thôn Phước Thọ II, xã Bình Phước	1,30	1,00		xã Bình Phước	Tờ BĐ 82, 83, 84, 90, 91, 92, 98, 99	Đã có trong Quyết định 96/QQD-UBND ngày 24/01/2019 của UBND tỉnh, nhưng chưa có trong danh mục công trình chuyên mục đích đất lúa
2	Dự án Kè chống sạt lở đoạn Bình Thới - Bình Dương	1,50	0,95		xã Bình Dương và xã Bình Thới	Tờ BĐ 2 tại xã Bình Thới; Tờ BĐ 17 tại xã Bình Dương	Đã có trong Quyết định 96/QQD-UBND ngày 24/01/2019 của UBND tỉnh, nhưng chưa có trong danh mục công trình chuyên mục đích đất lúa

TT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	GHI CHÚ
			Diện tích đất LUA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
3	Dự án Trường Mầm non Sao Mai, xã Bình Chánh	0,42	0,02		xã Bình Chánh	Tờ BĐ 43	Đã có trong Quyết định 96/QQD-UBND ngày 24/01/2019 của UBND tỉnh, nhưng chưa có trong danh mục công trình chuyển mục đích đất lúa
4	Dự án Đường vào đập Trần Vực Bà, huyện Bình Sơn	4,00	0,98		xã Bình Minh	Tờ BĐ 27, 59, 60, 66 và 67	Đã có trong Quyết định 96/QQD-UBND ngày 24/01/2019 của UBND tỉnh, nhưng chưa có trong danh mục công trình chuyển mục đích đất lúa
5	Thủy lợi Đồng Sông (đập và kênh), huyện Bình Sơn	6,20	3,70	1,00	xã Bình Khương	Tờ BĐ 2, 24, 25	Đã có trong Quyết định 96/QQD-UBND ngày 24/01/2019 của UBND tỉnh, nhưng chưa có trong danh mục công trình chuyển mục đích đất lúa
6	Kiên cố hóa kênh đập Trung Sanh - Sa Lương	0,30	0,30		xã Bình Long	Tờ BĐ 12,13	Đã có trong Quyết định 96/QQD-UBND ngày 24/01/2019 của UBND tỉnh, nhưng chưa có trong danh mục công trình chuyển mục đích đất lúa

TT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	GHI CHÚ
			Diện tích đất LUA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
7	Dự án Kè chống sạt lở bờ Bắc sông Trà Bồng, đoạn qua thôn Tân Phước xã Bình Minh	1,00			xã Bình Minh	Tờ BĐ 38, 39,56	Đã có trong Quyết định 96/QQD-UBND ngày 24/01/2019 của UBND tỉnh, nhưng chưa có trong danh mục công trình chuyển mục đích đất lúa
8	Dự án Đường tránh lũ Bình Minh - Bình Khương	6,50	0,63		xã Bình Minh và xã Bình Khương	Tờ BĐ số 13,32,33,38,39 xã Bình Minh; Tờ BĐ số 45,46,52,53,55,56 xã Bình Khương	
9	Bồi thường, GPMB, thu hồi đất cho Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi để giao đất, cho thuê đất thực hiện dự án đầu tư: Hành lang tuyến ống dẫn khí từ Chu Lai về Trung tâm điện lực Dung Quất.	20,69	3,43		Xã Bình Thạnh.	Tờ bản đồ số: 2; 3; 7; 8; 14; 15; 16; 17; 26; 27 và 28 xã Bình Thạnh	
10	Bồi thường, GPMB, thu hồi đất cho Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi để chuẩn bị mặt bằng xúc tiến đầu tư dự án Khu dân cư Bình Trị.	24,00	7,80		Xã Bình Trị.	Tờ bản đồ số: 26, 27, 39, 40, 41, 52 và 53 xã Bình Trị.	

TT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	GHI CHÚ
			Diện tích đất LUA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
11	Tạo quỹ đất sạch ở Khu kinh tế Dung Quất để kêu gọi đầu tư xây dựng dự án: Khu dịch vụ tổng hợp dầu khí OGS	3,71	1,23		xã Bình Thuận	Tờ bản đồ số 65	
12	Bồi thường, GPMB, thu hồi đất cho Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi để chuẩn bị mặt bằng đầu tư dự án Khu dịch vụ Bình Đông.	4,30	3,10		Xã Bình Đông, Bình Thuận.	Tờ bản đồ số: 38, 39, 45, 46 xã Bình Đông. Tờ bản đồ số: 64, 71 xã Bình Thuận.	
13	Bồi thường, GPMB, thu hồi đất cho Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi để chuẩn bị mặt bằng xúc tiến đầu tư dự án: Sân golf Quảng Ngãi Golfink (Sân golf)	81,20	4,47		Xã Bình Hải	Tờ bản đồ số: 40, 41 xã Bình Hải.	
14	Khu dân cư Nam Bình	3,9	3,16		xã Bình Nguyên	Tờ bản đồ số 14 và 21	
15	Mở rộng Cụm công nghiệp Bình Nguyên (giai đoạn 3)	1,95	0,50		xã Bình Nguyên, xã Bình Trung	Tờ bản đồ số 7, 8 xã Bình Trung; tờ số 37 xã Bình Nguyên	

TT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	GHI CHÚ
			Diện tích đất LUA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
16	Đập ngăn mặn Bình Nguyên và Bình Phước	0,8	0,04		xã Bình Phước	Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 08/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc chủ trương đầu tư dự án: Đập ngăn mặn Bình Nguyên và Bình Phước; Quyết định 920/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về Quyết định về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018	
17	Đập ngăn mặn Bình Nguyên và Bình Phước	2,87	0,24		xã Bình Dương	Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 08/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc chủ trương đầu tư dự án: Đập ngăn mặn Bình Nguyên và Bình Phước; Quyết định 920/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về Quyết định về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018	
18	Hồ chứa nước Phước Hòa	1,2	0,15		xã Bình Khương	Quyết định số 1201/QĐ-UBND ngày 08/8/2012 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	

TT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	GHI CHÚ
			Diện tích đất LUA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
19	Hồ chứa nước Hồ Lùng	1,8	0,27		xã Bình Thanh Đông	Quyết định số 1201/QĐ-UBND ngày 08/8/2012 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	
20	Hồ chứa nước Ao Gió	1,8	0,35		xã Bình Hòa	Quyết định số 1201/QĐ-UBND ngày 08/8/2012 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	
21	Đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, đoạn qua xã Bình Chánh, phần bổ sung thiết kế cấm cọc giải phóng tại nhánh C1 của nút giao thông Dung Quất gói thầu A3	0,60	0,6		xã Bình Chánh	Quyết định 23/QĐ-BQL.ĐNQN ngày 13/11/2018 của Ban Quản lý dự án Cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi	
22	Đường ven biển Dung Quất-Sa Huỳnh	8,98	0,5		xã Bình Phú, Bình Châu, Bình Hòa		
	Tổng cộng	179,02	33,42	1,00			

Biểu 2.3

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2019 CỦA HUYỆN SƠN TINH



Tờ trình số 29/TTr-UBND ngày 01/4/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
			Diện tích đất LƯA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Sân thể thao, Thọ Lộc Tây, xã Tịnh Hà	0,20	0,20		Xã Tịnh Hà	TBĐ số 23
	TỔNG	0,20	0,20			

Biểu 2.4

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2019 CỦA HUYỆN TƯ NGHĨA
(theo Tờ trình số 29/TTr-UBND ngày 01/4/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
			Diện tích đất LƯA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)		
1	Hồ Chứa nước Hồ Tạc	2,10	0,30		Nghĩa Thuận	Tờ 18
2	Cửa hàng kinh doanh xăng dầu Thiên Long	0,60	0,60		Thị trấn La Hà	Tờ 10
3	Đường La Hà - Thu Xá đi KDC kết hợp dịch vụ phía Đông UBND huyện	0,20	0,02		La Hà	Tờ 18
4	Khu dân cư nông thôn mới An Hòa, huyện Tư Nghĩa	7,12	4,00		Nghĩa Trung	tờ 1, 4
5	Khu dân cư nông thôn mới Gia An - xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa	9,24	3,70		Nghĩa Kỳ	Tờ 18
6	Khu dịch vụ đô thị Thiên Phúc	8,00	6,40		La Hà	Tờ 23, 26
7	Khu dân cư chính trang đô thị An Điền Phát, La Hà	4,82	4,50		La Hà	Tờ 16, 17, 21, 22
8	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Petro Dung Quất 2	0,70	0,10		Nghĩa Điền	Tờ 7
9	Khu dân cư Nam Bàu Giang	5,10	2,85		thị trấn La Hà và xã Nghĩa Trung	tờ số 10 thị trấn La Hà và tờ số 3 xã Nghĩa Trung
10	Khu dân cư xã Nghĩa Thắng (gđ1) (phục vụ công tác GPMB dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT 623B (QN-Thạch Nham), giai đoạn 2	1,37	0,18		xã Nghĩa Thắng	tờ số 11,18
	Tổng	39,25	22,65			

Biểu 2.5

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG
PHI NÔNG NGHIỆP THỰC HIỆN NĂM 2019 CỦA HUYỆN MỘ ĐỨC**
(theo Tờ trình số 29/TTr-UBND ngày 01/4/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

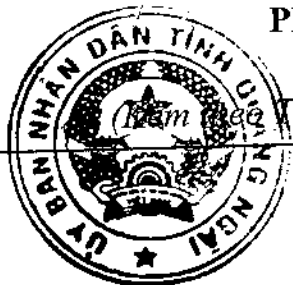


Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
			Diện tích đất LƯA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Khu dịch vụ và dân cư An Phú	0,89	0,89		thị trấn Mộ Đức	Tờ bản đồ số 5,6,9,10
2	Khu dân cư Ngõ ông Sáu ca giáp đường tránh đông QL 1 (đầu giá đất)	0,97	0,95		xã Đức Chánh	Tờ bản đồ số 24
3	Khu dân cư và dịch vụ Chợ Quán Lát	9,94	9,00		xã Đức Chánh	Tờ bản đồ số 11
4	Trụ sở làm việc Công an huyện Mộ Đức	2,63	2,63		thị trấn Mộ Đức	Tờ bản đồ 6,9
5	Kè, khu neo đậu tàu thuyền, khu dân cư xã Đức Lợi	5,45	1,00		xã Đức Lợi	Tờ bản đồ 4, 5, 6, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14
6	Khu tái định cư Hiệp Sơn (Tái định cư đường Quán Lát - Đá Chát)	1,30	1,30		xã Đức Hiệp	Tờ bản đồ số 10, 17
7	Khu dân cư và thương mại - dịch vụ Bắc Trung tâm thị trấn Mộ Đức	9,90	9,50		thị trấn Mộ Đức	Tờ bản đồ 6
8	Khu sản xuất chế biến thức ăn và chăn nuôi bò sữa tập trung ứng dụng công nghệ cao Vinamilk Quảng Ngãi	91,60	1,50		xã Đức Phú	Tờ bản đồ 18, 24, 25
9	Dự án chỉnh trang đô thị kết hợp xây dựng Khu dân cư phía Bắc Quốc lộ 24	9,37	6,00		thị trấn Mộ Đức	Tờ bản đồ số 42, 44, 45
10	Đường QL1A - đường đông thị trấn Mộ Đức (Nút 5)	1,28	1,10		thị trấn Mộ Đức	Tờ bản đồ 6
11	Mở rộng tuyến đường nội thị và KDC Nam cầu Vĩnh Phú	1,50	1,20		thị trấn Mộ Đức	Tờ bản đồ 9, 10
12	Tuyến đường QL 1A - Đá Bạc	5,15	4,00		xã Đức Nhuận, Đức Thăng	Tờ bản đồ 17, 18 xã Đức Thăng; TĐĐ số 12, 14, 16, 18, 20 xã Đức Nhuận

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
			Diện tích đất LUA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)		
13	Cửa hàng xăng dầu Ánh Nguyễn	0,42	0,40		xã Đức Chánh	Tờ bản đồ 11
14	Dự án Khu Thương mại - dịch vụ Phi Bào	0,61	0,61		thị trấn Mộ Đức	tờ bản đồ số 14, 15
15	nâng cao độ tin cậy lưới điện khu vực Điện lực Mộ Đức, Đức Phổ, Sơn Tịnh, Trà Bồng tỉnh Quảng Ngãi năm 2019	0,01	0,01		xã Đức Nhuận, xã Đức Phú	tờ bản đồ số 9, 12, 14, 20, xã Đức Nhuận; TBD số 4, 10, xã Đức Phú
Tổng cộng		141,02	40,09			

Biểu 2.6

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LUA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2019 CỦA HUYỆN ĐỨC PHỔ



Tờ trình số 29/TTr-UBND ngày 01/4/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (từ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
			Diện tích đất LUA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Khu dân cư vùng lõm xã Phổ Hoà	0,24	0,01		xã Phổ Hoà	TBĐ số 14, 02, 05, 13
2	Sửa chữa nâng cấp đường Phổ Minh - Phổ Văn	0,82	0,05		xã Phổ Văn	TBĐ số 6, 9
	TỔNG	1,06	0,06	0,00		

Biểu 2.7

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP
NĂM 2019 CỦA HUYỆN NGHĨA HÀNH**



(Tờ trình số 29/TTr-UBND ngày 01/4/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
			Diện tích đất LƯA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Nâng cấp tuyến đường ĐT.624B (Quán Lát – Đá Chát), đoạn Km0+00 - Km8+00:	3,20	3,00		Hành Thịnh	Tờ bản đồ: 3, 27, 32, 33
2	Khu dân cư Nam Đồng Xít (giai đoạn 2)	4,98	4,10		Thị trấn Chợ Chùa và Hành Đức	Tờ bản đồ: 3 xã Hành Đức; 25 thị trấn Chợ Chùa
3	Nâng cấp đường huyện ĐH.58 và ĐH.58E	0,10	0,01		Thị trấn Chợ Chùa	Tờ bản đồ: 25
TỔNG CỘNG		8,28	7,11			

Biểu 2.8

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2019 CỦA HUYỆN BA TƠ



(theo Tờ trình số 29/TTr-UBND ngày 01/4/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
			Diện tích đất LƯA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Đường dây 220KV Thượng Kon Tum - Quảng Ngãi	2,35	0,06	0,2	Các xã: Ba Tiêu, Ba Vì, Ba Tô, Ba Đình, Ba Chùa, Ba Cung, Ba Thành, Ba Động, Ba Liên	
2	Khu dân cư kết hợp chỉnh trang đô thị phía Tây sông Tài Năng	2,23	1,3		thị trấn Ba Tơ	QĐ chủ trương đầu tư số 854/QĐ-UBND ngày 08/10/2018 của UBND tỉnh
	Tổng cộng	4,58	1,36	0,20		

Biểu 2.9

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG
PHI NÔNG NGHIỆP THỰC HIỆN TRONG NĂM 2019 CỦA HUYỆN MINH LONG**

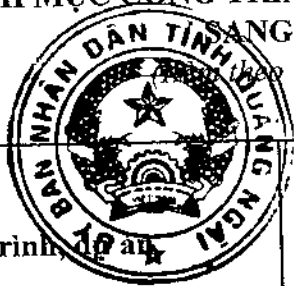


Kèm theo Tờ trình số 29/TTr-UBND ngày 01/4/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
			Diện tích đất LƯA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Làm mới đập Gò Rấp, Đồng Rinh, xã Thanh An	0,020	0,020		Xã Thanh An	Tờ bản đồ 7
2	Trường Mẫu giáo xã Long Hiệp	0,100	0,100		Xã Long Hiệp	Tờ bản đồ số 13
3	Xây dựng cổng chào huyện Minh long	0,015	0,015		Xã Long Mai	Tờ bản đồ số 33
4	Đường từ đò Ba Cùm đi Hà Bôi	0,750	0,200		Xã Long Hiệp	Tờ bản đồ số 19,26,27
5	Trường Mẫu giáo Thanh An	0,120	0,050		Xã Thanh An	Tờ bản đồ số 26
	Tổng cộng	1,01	0,39			

Biểu 2.12

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ



SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2019 CỦA HUYỆN TÂY TRÀ
 (Tờ trình số 29/TTr-UBND ngày 01/4/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Tên công trình	Diện tích QH (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
			Diện tích đất LƯA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Thủy điện Trà Phong	125,92	3,50	8,64	Xã Trà Xinh; Xã Trà Phong và Xã Trà Khê	(532676.586; 1679349.105) (531695.073; 1681125.944) (537327.607; 1675622.067) (536133.332; 1675705.703) (536445.034; 1676739.831) (534095.007; 1677796.610)
Tổng cộng		125,92	3,5	8,64		

Biểu 2.13

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2019 CỦA HUYỆN TRÀ BÔNG

(Theo Tờ trình số 29/TTr-UBND ngày 01/4/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
			Diện tích đất Lúa (ha)	Diện tích đất RPH (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Thủy điện Kà Tinh	55,79	0,50		Trà Lâm	Thuộc mảnh bản đồ địa chính cơ sở số 689545, 686545, 686548, 689548, xã Trà Lâm
2	Kè chống sạt lở Suối Bồi thuộc dự án Kè chống sạt lở hai bên bờ sông thị trấn Trà Xuân (giai đoạn II)	1,10	0,02		Trà Xuân	tờ bản đồ địa chính số 06, 07 và 17, thị trấn Trà Xuân
Tổng cộng		56,89	0,52			

Biểu 3



DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2019
(Ký và ghi rõ họ tên, chức vụ, ngày tháng năm) (Quyết định số 29/TT-UBND ngày 01/4/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (số tờ bản đồ, số thửa) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	CÔNG TRÌNH NĂM 2015, 2016	23,95			
	Huyện Tư Nghĩa				
1	Hệ thống hạ tầng khu dân cư trục đường Bầu Giang - Cầu mới (7,89 ha)	7,98	Nghĩa Điền	Tờ 4, 5	
2	Nhà máy nước Quảng Ngãi (Tuyến ống truyền tải)	2,15	Nghĩa Kỳ, Nghĩa Thuận	Tờ 3,4, 5, 8, 9 13, 14	
3	Nhà máy nước Quảng Ngãi	13,82	Nghĩa Kỳ, Nghĩa Thuận	Tờ 1, 3, 4, 5	

Biểu 04

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG
PHÒNG HỘ SẢNH ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2019**
(Theo Nghị quyết số 29/TTTr-UBND ngày 01/4/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



TT		Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
			Diện tích đất Lúa (ha)	Diện tích đất RPH (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	CÔNG TRÌNH NĂM 2015,2016	10,13	0,85			
	Huyện Tư Nghĩa					
1	Hệ thống hạ tầng khu dân cư trục đường Bàu Giang - Cầu mới (7,89 ha)	7,98	0,45		Nghĩa Điền	Tờ 4, 5
2	Nhà máy nước Quảng Ngãi (Tuyến ống truyền tải)	2,15	0,40		Nghĩa Kỳ, Nghĩa Thuận	Tờ 3,4, 5, 8, 9 13, 14

Số: /2019/NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án phải thu hồi đất và danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp năm 2019 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHOÁ XII, KỲ HỌP THỨ 13**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngàytháng ... năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết danh mục bổ sung công trình, dự án phải thu hồi đất và danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp trong năm 2019 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo số/BC-UBND ngày thángnăm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Danh mục bổ sung công trình, dự án phải thu hồi đất và danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp năm 2019 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

1. Danh mục bổ sung công trình, dự án phải thu hồi đất theo khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai là 102 công trình, dự án (chi tiết theo Biểu 01 và các Biểu từ 1.1 đến 1.14 kèm theo Nghị quyết này).

2. Danh mục bổ sung công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp theo điểm b, khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai là 78 công trình, dự án; trong đó: đất lúa 128,88 ha, đất rừng phòng hộ

10,0 ha (chi tiết theo Biểu 02 và các Biểu từ 2.1 đến 2.13 kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Tiếp tục triển khai thực hiện trong năm 2019 đối với những công trình theo Biểu 03, Biểu 04 kèm theo Nghị quyết.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XII, Kỳ họp thứ 13 thông qua ngày tháng năm 2019 và có hiệu lực từ ngày tháng năm 2019./.

Nơi nhận:

- UBTV Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Thường trực Ủy ban TWMTTQ Việt Nam;
- Ban Công tác đại biểu của UBTVQH;
- Bộ Tài nguyên – Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy;
- Đại biểu ĐBQH bầu ở tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các sở ban ngành, hội đoàn thể tỉnh;
- Các cơ quan ngành dọc TW đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh, Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng HĐND tỉnh: C-PVP, các Phòng, CV;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- Lưu: VT, BKTNS.

CHỦ TỊCH

Bùi Thị Quỳnh Vân